

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày 12 - 9- 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Danh

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-DS ngày 06 ngày 8 tháng 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay

Trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H, sinh năm 1997 (theo Giấy ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN ngày 31/10/2023)

Địa chỉ: Số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, nhưng ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H đều trình bày:*

Ngày 18/12/2023 ông Lê Văn C có cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 (gọi tắt là Công ty) tại Hợp đồng cầm cố số MXM 231201008NA22X và giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023

Hợp đồng cầm cố như sau: Số tiền cầm cố là 21.350.000 đồng và thời hạn cầm cố là 18 tháng. Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Ngày giải ngân là ngày 18/12/2023. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng; Phí quản lý hồ sơ là 0.5% /tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; P mượn xe theo giấy mượn xe là 1.067.500 đồng và phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn và tài sản cầm cố như sau: 01 (một) xe mô tô hai bánh; Nhãn hiệu: HONDA; Loại: Future việt F; Biển kiểm soát số: 83G1-112.08; Số khung: RLHJC7642NY113875; Số máy: JC90E0288988 và Giấy chứng nhận đăng ký số: 000074 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/8/2022.

Hợp đồng giấy mượn xe như sau (mượn): Do nhu cầu đi lại và công việc ngày 18/12/2023 ông C có đơn gửi Công ty X mượn lại chiếc xe đã cầm cố cho Công ty nêu trên, thời hạn mượn xe là 18 tháng từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/6/2025 và Công ty đã cho ông C mượn lại xe theo nguyện vọng của ông C. Từ khi ký Hợp đồng mượn xe ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết. Công ty yêu cầu ông C bàn giao lại tài sản nhưng ông C trốn tránh không thực hiện theo cam kết.

Tạm tính đến ngày 06/4/2024 ông Lê Văn C còn nợ Công ty tiền vốn gốc là 21.350.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 1,1% là 704.550 đồng; Tiền lãi quá hạn 150% trong hạn là 267.569 đồng. Tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 3.202.500 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 320.250 đồng. Tổng số tiền thanh toán là: 27.119.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, một trăm mười chín nghìn đồng).

Tại phiên hòa giải nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu buộc ông Lê Văn C phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe như sau: Biển kiểm soát số là 83G1-112.08, nhãn hiệu là HONDA; Số loại: Future việt F; Số khung: RLHJC7642NY113875 và Số máy: JC90E0288988 theo Giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023 và không yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần S Có Ngay. Yêu cầu buộc ông Lê Văn C phải thanh toán số tiền cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính 06/4/2024 là 27.119.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, một trăm mười chín nghìn đồng) Trong đó tiền gốc là 21.350.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1% là 704.550 đồng, tiền lãi quá hạn 150% trong hạn là 267.569 đồng và tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 3.202.500 đồng, phí quản lý hồ sơ là 320.250

đồng. Ngoài ra ông Lê Văn C còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 18/12/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể: Buộc ông Lê Văn C phải thanh toán số tiền cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2024 là 23.447.993 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 21.350.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1% là 2.097.993 đồng và sau khi trả xong nghĩa vụ trả nợ Công ty sẽ tiến hành giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 000074 biển số đăng ký 83G1-112.08 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/8/2022 cho ông C đứng tên chủ sở hữu. Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về tất cả các khoản phí, chỉ yêu cầu tiền nợ gốc và tiền lãi. Ngoài ra ông Lê Văn C còn phải tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 05/8/2024, cũng như tại phiên tòa bị đơn Lê Văn C đều trình bày:*

Đúng là ngày 18/12/2023 ông có cầm cố tài sản cho Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 (gọi tắt là Công ty) vay số tiền là 21.350.000 đồng và thời hạn vay là 18 tháng. Tài sản cầm cố như sau: 01 (một) xe mô tô hai bánh; Nhãn hiệu: HONDA; Loại: Future việt F; Biển kiểm soát số: 83G1-112.08; Số khung: RLHJC7642NY113875; Số máy: JC90E0288988; Giấy chứng nhận đăng ký số: 000074 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/8/2022; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân là ngày 18/12/2023 ông có nhận đủ số tiền nêu trên. Nguyên đơn yêu cầu ông trả tiền vốn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2024 với số tiền tổng cộng là 23.447.993 đồng và tiền lãi phát sinh, ông đồng ý trả và xin được trả chậm số tiền nêu trên mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn và tiền lãi còn nợ nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về tất cả các khoản phí, chỉ yêu cầu tiền nợ gốc và tiền lãi ông đồng ý và không có ý kiến khác.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay buộc bị đơn C phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 23.447.993 đồng và kể từ ngày 12/9/2024 bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cầm cố đã được các bên ký kết. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi bị đơn trả hết tiền vốn và tiền lãi, nguyên đơn sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu về tất cả các khoản phí mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu ông Lê Văn C phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng cầm cố số MXM 231201008NA22X ngày 18/12/2023 và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, tuy nhiên tại Đơn xin xét xử vắng mặt ông H đã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông H.

[3] Tại phiên hòa giải và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Võ Anh H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn có yêu cầu buộc ông Lê Văn C phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền vốn vay là 21.350.000 đồng, tiền lãi trong hạn 704.550 đồng, lãi quá hạn 267.569 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 3.202.500 đồng, phí quản lý hồ sơ 320.250 đồng. Buộc ông C phải trả lại chiếc xe biển kiểm soát số 83G1-112.08. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông C phải trả lại chiếc xe biển kiểm soát số 83G1-112.08 theo giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 3.202.500 đồng, phí quản lý hồ sơ 320.250 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Lê Văn C phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại của Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X ký ngày 18/12/2023 mà các bên đã ký kết với số tiền tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 23.447.993 đồng (trong đó: nợ gốc: 21.350.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 2.097.993 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Vào ngày 18/12/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 (gọi tắt là Công ty) đã giải ngân cho ông Lê Văn C số tiền cầm cố cụ thể là 21.350.000 đồng và Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của cục Đ: Giaodichdambao/botuphap số 1527814480 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: Biển kiểm soát số là 83G1-112.08, nhãn hiệu là HONDA; Số loại: Future việt F; Số khung: RLHJC7642NY113875 và Số máy: JC90E0288988, thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn C.

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C không trả tiền gốc cho Công ty cổ phần S Có Ngay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả số tiền 21.350.000 đồng là phù hợp.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Công ty cổ phần S Có Ngay có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 21.350.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X ngày 18/12/2023, thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/6/2025, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 18/12/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2024 đã quá hạn hợp đồng trễ 268 ngày, ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông C chưa thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay là 23.447.993 đồng. Trong đó: nợ gốc: 21.350.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 21.350.000 \times 268 \text{ ngày} = 2.097.993 \text{ đồng}$.

Do đó, yêu cầu tính lãi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ. Theo đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP/01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên yêu cầu này của

Công ty cổ phần S Có Ngay là phù hợp với Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi mà ông C chưa thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay tính đến ngày 11/9/2024 là 23.447.993 đồng (Trong đó: nợ gốc: 21.350.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 21.350.000 \times 268 \text{ ngày} = 2.097.993 \text{ đồng}$. Từ các mục [4.1] và [4.2], Hội đồng xét xử buộc ông Lê Văn C1 có nghĩa vụ trả Công ty cổ phần S Có Ngay tính đến ngày 11/9/2024 số tiền gốc 21.350.000 đồng, lãi 2.097.993 đồng. Tổng cộng là 23.447.993 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2024, ông Lê Văn C còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số MXM 231201008NA22X ngày 18/12/2023 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

Ngay sau khi ông C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Lê Văn C là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa bị đơn C xin được trả chậm số tiền 23.447.993 đồng cho nguyên đơn mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên hòa giải nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn trả chậm mỗi tháng là 1.000.000 đồng và tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt. Vì vậy, yêu cầu này là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] **Về án phí:** Nguyên đơn không phải chịu án phí và bị đơn C phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 309, 311 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ và điểm a Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay về việc:

1. Buộc ông Lê Văn C phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe: Biển kiểm soát số là 83G1-112.08, nhãn hiệu là HONDA; Số loại: Future việt F; Số khung: RLHJC7642NY113875 và Số máy: JC90E0288988 theo Giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023.

2. Trường hợp ông Lê Văn C không trả lại xe theo giấy mượn xe buộc ông phải thanh toán số tiền cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 3.202.500 đồng, phí quản lý hồ sơ là 320.250 đồng.

3. Trường hợp ông Lê Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: Biển kiểm soát số là 83G1-112.08, nhãn hiệu là HONDA; Số loại: Future việt F; Số khung: RLHJC7642NY113875 và Số máy: JC90E0288988 theo Giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023 để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần S Có Ngay.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay: Buộc bị đơn là ông Lê Văn C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tổng cộng là 23.447.993 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 21.350.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 11/9/2024 là 2.097.933 đồng).

Kể từ ngày 12/9/2024, ông Lê Văn C còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X ngày 18/12/2023 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

Khi ông C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 000074 do Công an xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn C vào ngày 05/8/2022, Biển số đăng ký là 83G1-112.08, nhãn hiệu là HONDA; Số khung: RLHJC7642NY113875 và Số máy: JC90E0288988 theo Giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023.

III. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu là 1.172.399 đồng. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu; trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền tạm ứng án phí đã nộp là 678.000 đồng theo biên lai số 0000931 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

IV. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời

hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

V. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ